

Ngô Thế Lân

Quê làng Vu Lai¹, huyện Quảng Điền, Thừa Thiên, Ngô Thế Lân có tiểu sử rất mơ hồ, ta chỉ biết ông sống vào giữa² thế kỷ XVIII nhờ tài liệu của một vài người đồng thời (chẳng hạn như Phạm Nguyễn Du, Lê Quý Đôn ...)

Ông tên tự Hoàn Phác, hiệu Ái Trúc Trai và Tấn Giang, học rộng nhưng không làm quan. Tác phẩm của ông, *Phong Trúc tập*³ 風竹集 (tiếng gió

¹ Theo cuốn *Danh Nhân Bình Trị Thiên*, NXB Thuận Hóa 1986, ngày nay không còn địa danh Vu Lai, nên đoán đó là Phong Lai, thuộc xã Quảng Lợi, Quảng Điền, và có thể là nơi Ngô Thế Lân ở ẩn chứ chưa chắc là quê quán.

² Theo Trần Văn Giáp (*Tri Tân tạp chí* - số 9) lúc Lê Quý Đôn làm Tham Tri Thuận Hóa (1776) Ngô Thế Lân đã khoảng hơn 50 tuổi, họ Lê có mời đến chơi, nhưng ông từ tạ đại ý nói lại chơi đề cầu tiến thì không dám đến.

Cần nói thêm Trần Văn Giáp lấy tài liệu từ *Phủ biên tạp lục* (Q.5, tờ 181a).

³ Nay đã mất, chỉ còn rải rác vài bài trong “*Nam hành đặc ký tập*” của Phạm Nguyễn Du, trong “*Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí*” (Văn tịch chí) của Phan Huy Chú và trong “*Phủ biên tạp lục*” của Lê Quý Đôn.

thôi vào tre) vừa có tính cách hiện thực vừa phảng phất thi vị Thiên Tông.

Ngô Thế Lân nhà thơ hiện thực xã hội:

a. Người chứng nhân thời loạn.

Sống giữa thời đất nước qua phân, nhân dân phải gánh chịu nỗi khổ sở vì bị bỏ quên, vì bị coi như những phương tiện để củng cố địa vị cho nhà cầm quyền, người có chút ưu ái đối với tầng lớp không may đều đau xót. Ngoài Bắc Hà, Nguyễn Thiếp đã nói lên được lòng mình, đã diễn tả tình trạng xã hội đen tối bằng những bài thơ tả cảnh, cảm hoài. Trong Nam Hà, Ngô Thế Lân cũng vậy, ông chứng kiến sự lầm than, khổ ải của người dân thông cảm với cuộc sống mất hết niềm vui của họ nên than thở giùm họ qua một số tác phẩm có khuynh hướng hiện thực xã hội. Bài “*Trư điều đê*” sau đây đặc trưng nhất, diễn tả cảnh u ám, thê lương đồ nát, “*sài lang hổ báo*” mang mặt người đang đe dọa mọi tầng lớp người dân:

猪鳥啼

嗚呼奇哉猪鳥啼

五更嗚吠風悽悽

泰山傾頽白日暗

平地波起黑雲迷

鴻雁悲鳴散林藪
豺狼橫行當路溪
朝也村聲不敢說
嗚呼奇哉猪鳥啼

Phiên âm:

Ô hô! Kỳ tai trư điểu đê,
Ngũ canh minh phệ, phong thê thê.
Thái sơn khuynh đòì, bạch nhật ám,
Bình địa ba khởi, hắc vân mê.
Hồng nhạn bi minh tán lâm tâu,
Sài lang hoành hành đương lộ khê.
Triều dã thôn thanh bất cảm thuyết,
Ô hô! Kỳ tai trư điểu đê.
(Trư điểu đê)

Tạm dịch:

Than ôi, chim lợn kêu âm u,
Năm canh than gào, gió vi vu.
Thái Sơn nghiêng ngã, trời ảm đạm
Đất bằng sóng dậy, mây mịt mù.
Hồng nhạn kêu buồn tách rừng rú,
Sài lang hoành hành, không chỗ trú.
Trong triều ngoài nội chẳng hở môi,
Than ôi, chim lợn kêu âm u.
(Chim lợn kêu - NVS dịch)

Cảnh tượng Ngô Thế Lân diễn tả điển hình cho xã hội Nam Hà dưới thời chuyên chế của Trương Thúc Loan, thời mà người dân không còn chỗ để tránh những áp bức. Gian thần và bè đảng hiện diện từ triều đình đến thôn dã, rừng núi. Để biểu trưng sự tàn ác của bọn này, tác giả thường dùng những tiếng hô lang, kinh ngạc. Nhưng có lẽ vẫn chưa đầy đủ, ông dùng những từ ngữ đặc biệt hơn: ruồi, muỗi, bọn dơ dáy, loài hút máu người. Bài *Thiệp thế ngâm* vừa mô tả được thực trạng xã hội vừa cho thấy sự khinh thị của người viết đối với chánh quyền lúc đó:

涉世吟

深山有虎狼

大潭有鯨鱷

世上有戈矛

此身何處托

鬧裏苦多蠅

靜裏苦多蚊

如何兩小虫

偏看喫人身

Phiên âm:

Thâm sơn hữu hổ lang,

*Đại đàm hữu kình ngạc!
Thế thượng hữu qua mâu,
Thử thân hà xứ thác ?*

*Náo lý khổ đa dăng ?
Tĩnh lý khổ đa vãn!
Như hà lưỡng tiểu trùng,
Thiên khán khiết nhân thân ?
(Thiếp thế ngâm)*

Tạm dịch :

*Núi sâu có cọp beo.
Đầm lớn có kình sấu!
Trên đời có giặc giã.
Thân này ta tựa đâu ?*

*Chỗ ồn khổ nhiều ruồi,
Nơi tĩnh khổ nhiều muỗi!
Tại sao hai loại này
Chỉ thích thịt người thôi?*

(Thiếp thế ngâm – NVS dịch)

Nhìn thấy xã hội loạn lạc, dân chúng nheo nhóc, lầm than vì chánh quyền, nói rõ hơn là Trương Phúc Loan, chỉ lo tư lợi. Ngô Thế Lân chán nản, một sự chán nản sanh ra vì tự cảm thấy bất lực trước thời thế. Bài Vịnh Hoài 詠懷 sau đây ông tự mô tả mình với một giọng điệu bi quan, mệt mỏi nhưng cao kỳ, can đảm trong việc miệt thị bọn thống trị:

詠懷

南方有一仕
志大兒數奇
少遊宣聖門
長進心無疑
耽書廢寢食
任俠忘權威
舉目蒼生苦
胸中無所施
自負且蘊匱
善價應有期
行年未四十
此心忽已衰
遠居友麋鹿
結屋臥山坡

... ..

Phiên âm:

*Nam phương hữu nhất sĩ,
Chí đại nhi số kỳ.
Thiếu du Tuyên thánh môn,
Trưởng tiến tâm vô nghi.*

*Đam thư phé tâm thực,
Nhiệm hiệp vong quyên uy.
Cử mục thương sinh khổ,
Hung trung vô sở thi.
Tự phụ thả uân quý.
Thiện giá ưng hữu kỳ.
Hành niên vị tứ thập.
Thử tâm hốt dĩ suy.
Viễn cư hữu mi lộc,
Kết ốc ngọa sơn phi.*

... ..

(Vịnh hoài)

Tạm dịch:

*Phương Nam có kẻ sĩ
Chí lớn mà số kỳ.
Trẻ, chơi ở cửa Không
Lớn, tiến lòng chẳng nghi.
Mê sách quên ăn ngủ,
Ưa dũng chẳng sợ uy.
Ngước mắt thấy dân khổ,
Lòng chẳng biết làm gì.
Tự phụ là ngọc quý,
Đất giá cũng có khi.
Tuổi chưa đầy bốn chục,
Lòng đã thấy suy vi.
Lánh cư cùng hươu nai.
Làm nhà dưới chân núi*

... ..

(Vịnh hoài)

Ông chán chường, tuyệt vọng cũng có lý do: cảnh âm đạm thê lương hiện khắp mọi nơi, người xấu tràn đầy (hồ lập, lang bôn), quân “giặc” đến, tin bại trận loan về, nhân dân buồn bã. Thế nhưng trước cảnh tượng bi thảm đó, người có trách nhiệm vẫn không biết, vẫn chưa tiên đoán được những gì sẽ xảy ra để đề phòng. Viễn ảnh nguy ngập đe dọa đất nước, ông chỉ còn biết thở than cho giang sơn gấm vóc cho các chúa trước đây tổn công gây dựng giờ đang chờ sụp đổ:

有感

風塵極目黑漫漫

孤立狼奔水石間

羽檄日聞征將北

魚書不見敗軍還

茹芹有客徒揮淚

食肉何人為解顏

底事履霜全不會

可憐一片錦江山

Phiên âm:

Phong trần cực mục hắc man man,

Hồ lập lang bôn thủy thạch gian.

Vũ hịch nhật văn chinh tướng Bắc;

Ngư thư bất kiến bại quân hoàn.

Như cần hữu khách đồ huy lệ,
Thực nhục¹ hà nhân vị giải nhan.
Đề sự lý sương² toàn bất hội
Khả lân nhất phiến cảm giang san.

(Hữu cảm)

Tạm dịch:

Gió bụi trông xa tối mệnh mang,
Cáo đứng, beo đi, đã chặt đàn.
Vũ hịch³ ngày nghe quân Bắc đến.
Ngư thư⁴ không thấy bại quân hoàn.
Cỏ rau, còn kẻ thâm rơi lệ,
Thịt cá, nào ai mất nét hoan
Việc đến bên chân còn chẳng biết,
Khả thương tú lệ tấm giang san.

(Hữu cảm)

và cuối cùng sụp đổ thật, thành quách điêu tàn, chùa chiền ngã nghiêng. Ông nhìn thấy sự đổi thay từ đẹp đẽ, tráng lệ sang hoang vắng, đìu hiu rồi buồn cho cuộc đời như giấc mộng kê vàng: có đó, mất đó. Bài thơ ông mô tả chùa Tây Thiên ít chữ nhưng nhiều ý:

¹ Thực nhục: Kẻ ăn thịt, chỉ người chức tước.

² Lý sương: Kinh Dịch: “lý sương kiến băng chí”: giảm lên sương biết băng đến. Ý nói có đề phòng trước.

³ Vũ hịch: tờ hịch có cắm lông chim dùng để báo những tin cần kíp.

⁴ Ngư thư: cái bao hình con cá để chứa thư, chỉ thơ từ, tin tức.

寶閣瓊樓半已荒
梵宮依舊對斜陽
可憐二百餘基業
不及山僧一夢長

Phiên âm:

*Bửu các quỳnh lâu bán dĩ hoang,
Phạn cung y cựu đối tà dương.
Khả lân nhị bách dư cơ nghiệp.
Bất cập sơn tăng nhất mộng trường¹.*

Tạm dịch:

*Gác tía lầu son nửa bỏ hoang,
Chùa chiền trơ trọi, ánh nắng tàn.
Thương thay cơ nghiệp hai trăm lẻ,
Chẳng kịp sơn tăng giấc mộng vàng.*

Cái nhìn của ông nhiều khi rộng rãi hơn, bao dung hơn, ông xúc động bùi ngùi trước một cảnh hoang phế nào đó không cần phải thuộc về cơ nghiệp của Chúa Nguyễn mà có thể thuộc về một dân tộc khác, một quốc gia khác. Lời cảm thán của ông lúc này trở thành tiếng than cho cảnh thay đổi

¹ Bài này Lê Quý Đôn trong *Phủ biên tạp lục* có chép (Q2 tờ 74a). Trần Văn Giáp trong *Tri Tân tạp chí* - số 9 cũng dùng tài liệu này. Sách *Tang thương ngẫu lục* bài *Thiên Mẫu Tự* (chùa Thiên Mụ) ông Kính Phủ cho chép 2 câu dưới và ghi tác giả là một cụ thân vô danh của Chúa Nguyễn.

của cuộc đời. Ta không lấy làm lạ khi thấy ông xót thương, bi lụy khi đi qua thành Đồ Bàn thấy cảnh cỏ tháp tro vợ, cảnh cung điện nguy nga trở thành nơi tích mịch ẩn cư của mấy vị tăng giò, vườn hoa sặc sỡ ngày trước chỉ còn là nơi thông dong của mấy chục chú đồng.

Sự mô tả này một phần có tính cách trách móc chiến tranh đã tạo nên sự đổ nát, đổi thay, một phần của sắc thái hoài cổ - sau này ta gặp ở trường hợp Nguyễn Du, bà Huyện Thanh Quan.

Nguyên văn:

過 闍 槃 城 懷 古

斜 陽 停 馬 望

無 限 廢 興 情

園 苑 僧 為 寺

宮 庭 牧 自 耕

殘 山 餘 古 塔

剩 水 竄 荒 城

神 道 原 無 據

西 關 漫 刻 盟

Phiên âm:

Tà dương đình mã vọng,

Vô hạn phế hưng tình.

*Viên uyển tăng vi tự
Cung đình mục tự canh.
Tàn sơn dư cổ tháp
Thặng thủy thoán hoang thành.
Thần đạo nguyên vô cứ,
Tây quan mạn khắc minh.
(Quá Đô Bàn thành hoài cổ)*

Tạm dịch:

*Chiều tà dừng ngựa, nhìn.
Muôn ngàn phé hưng tình.
Vườn hoa sư thờ Phật,
Cung đình mục đồng canh.
Núi mòn trơ cổ tháp,
Nước úng đọng quanh thành.
Đạo thần vốn huyền nhiệm,
Ái Tây tạm ghi minh.
(Qua thành Đô Bàn hoài cổ).*

b. Ngô Thế Lân, kẻ thất bại trong việc giúp đời.

Nhận chân được bản chất của người cầm quyền, chứng kiến nỗi khổ của dân Ngô Thế Lân muốn dùng tài trí của mình sửa lại hoàn cảnh, cứu giúp những phần tử quá chịu thiệt thòi.

Lê Quý Đôn trong *Phủ biên tạp lục* ghi nhận ông đã đặc biệt chú ý đến việc biến cải lại thời thế - Mục tiêu của ông khác với Nguyễn Cư Trinh, ông này muốn thay đổi tâm lý của người dân để quốc

gia vững mạnh, có thể tiến về phương nam dễ dàng - biến cải để nhân dân không còn khổ sở, bọn “sài lang, hồ báo” hết tác oai, tác quái. Bởi vậy, mặc dầu không thích làm quan, năm 1770 ông cũng dâng lên Chúa Nguyễn Phúc Thuận những phương sách trị bình về các phương diện binh bị, khẩn hoang, kinh tế, theo ông khả dĩ cứu dân ra khỏi cảnh nước lửa.

Qua tài liệu quý giá đó, ta được biết Ngô Thế Lân rất sáng suốt và am tường tâm lý dân chúng, những phương sách cải tổ của ông đều dựa vào quyền lợi số đông. Chẳng hạn về phương diện kinh tế, lúc đó dân chúng lén đúc tiền kẽm, với tiền này, họ mua thóc khiến giá thóc lên cao, nhiều người nghèo đói, giặc giã nổi lên, cách của ông nhằm trị tận căn nguyên, không chủ trương trừng phạt người lữ đúc tiền kẽm, nhưng lập kho “Thường bình” (kho an toàn) để khi cần, bán rẻ cho dân chúng.

Với cách thế này, Ngô Thế Lân muốn tận dụng khả năng giúp đỡ của chánh quyền hơn khả năng trừng phạt. Ông nhìn vấn đề trên khía cạnh bao dung để thấy có một số đông cần đến bàn tay ưu ái của chánh quyền:

*“Trộm nghe khi tiên quân mở mang cương
vũ, đất còn hẹp, dân còn thưa, phía Nam chưa có
đất Gia Định, phía Bắc còn việc phòng giữ ở
Hoàng Sơ, liền năm binh cách, thế mà dân không
đói kém, nước có dư dùng. Nay thiên hạ bình yên*

đã lâu ngày, đất rộng, dân đông, đất trồng ngũ cốc đã khai khẩn hết, lại thêm ruộng ở Phiên Trấn, Long Hồ không bị hạn lụt, thế mà từ năm Mậu Tý (1768) đến nay, giá lúa cao vọt, sanh dân đói kém, là vì có gì ?

Thần trộm nghĩ ấy không phải vì thiếu lúa, nhưng là vì nạn tiền kẽm quá nhiều gây nên vậy. Phàm dân chạy về mối lợi cũng như nước chảy về phía chỗ thấp, thế không thể ngăn được, cho nên tuy rừng sâu có độc lam chướng, có nạn hùm beo, biển lớn, có cái nguy sóng gió, có nạn kinh ngạc, người ta thường đến mà không sợ ấy là vì thấy lợi mà quên hại vậy. Huống chi cái lợi đúc tiền kẽm lại gấp bội cái lợi khác mà không có cái lo về lam chướng, hùm beo, sóng gió, kinh ngạc. Tuy có lệnh cấm, song từ khi dùng tiền đến nay, chưa nghe ai đúc trộm tiền mà bị giết bao giờ. Cho nên từ khi việc đúc trộm tiền kẽm ở Ba Thắc hoành hành thì giá lúa ở Gia Định lại cao vọt, ấy là vì kẻ đúc trộm tiền kẽm được lợi rất nhiều, nếu chở đi nơi khác thì sợ lộ việc gian, nên không kẻ hàng đất, hàng rẻ, đều tùy tiện mua lấy, giá lúa nhân đấy mà cao lên. Lúa đắt thì dân sợ đói, sợ đói thì tranh nhau mua để chứa, tranh nhau mua thì lúa càng ngày càng đắt, lúa đắt thì mọi vật trong thiên hạ cũng theo đó mà đắt lên.

Huống chi, tình người ta ai cũng ưa cái bền chắc, ghét cái chóng hư, nay lấy đồng tiền kẽm

chóng hư mà thay tiền đồng bền chắc, cho nên dân tranh nhau chứa lúa mà không chịu chứa tiền. Thờì Hán Cao Tổ cho rằng tiền nửa lượng của nhà Tần nặng quá mới đúc giáp tiền để thay, vật giá liền lên cao, một thạch gạo giá đến một vạn đồng tiền, ấy là vì tiền mỏng, nên vật giá phải cao, đã có kinh nghiệm rõ rệt. Và, từ khi có Gia Định, dân xứ ấy chưa bao giờ lấy sự chứa lúa làm lợi. Nay ở Gia Định nhà nào cũng chứa, không chỉ ở Gia Định mà ở Phú Xuân và cả các phủ, nhân dân có tiền đều tranh nhau chứa lúa, như vậy mà muốn cho lúa khỏi đắt có được không? Ở Gia Định lúa đắt thì ở các phủ làm sao không đắt được? Lúa ở các phủ đắt thì dân ở Phú Xuân khỏi đói sao được? Phàm tình người một ngày không ăn hai bữa thì đói, suốt năm không may áo thì rét, đói rét thiết thân thì không đoái đến liêm sỉ, cho nên gian tà trộm cướp mới sinh ra. Có câu nói rằng: “Một bữa không có ăn thì cha con không có nghĩa nữa” cha đã không giữ được con thì vua sao giữ được dân ?

Tuy vậy, cái tệ tiền kẽm đã lâu rồi, nay muốn thay đổi rất khó mau có công hiệu, mà nạn đói của dân ta lại rất gấp. Thần trộm nghĩ phương kế ngày nay, không có gì bằng phỏng theo phép nhà Hán, mỗi phủ đặt một kho “Thường bình” đặt chức quan Hữu Tư, định giá thường bình, rồi hễ lúa rẻ thì theo giá mà mua chứa vào kho, lúa đắt thì theo giá mua mà bán cho dân. Như thế giá lúa không đến nỗi rẻ quá thiệt hại nhà nông, mà cũng không đến

nồi đất quá để lợi cho con buôn, khiến dân nghèo đói kém, rồi sau sẽ lần lần sửa đổi cái tệ tiền kẽm. Như thế vật giá sẽ được bình ổn”¹

Có thể cách thế của ông không hữu hiệu - hay hiệu quả khó thấy được tức thời nhưng ông có một quan niệm rất mới khi nhìn vấn đề: phải xét đến cội nguồn. Giặc giã, trộm cướp chỉ là bề mặt của hiện tượng, ẩn tượng, nguyên do phát sinh chính vì tiền kẽm bị lạm phát nên giá lúa thay đổi, lộn xộn, trong khi đó người dân không có tiền mua, vậy phải cấp thời giúp những giới này bằng phương tiện của chính phủ, sau đó sẽ lần lần trừ nạn tệ hại của tiền kẽm.

Cái nhìn tự căn đề đó được Ngô Thế Lân giải bày trong một bức thơ gửi cho bạn:

“Cho nên người giỏi trị gổ trước hay xem căn bản của gổ đã. Nếu chỉ biết một có thể trị thì một con một này đi, một con một khác lại sinh ra. Sinh ra đó là tại gổ chứ không phải tại một ... Tôi đêm đọc Hán sử đến đời Hoàn, Linh: ngoại thích lộng quyền nội thụ buông ác, bậc danh hiền thì yêu nhàn, bậc xử sĩ thì ẩn nấu, bất giác xếp sách lại mà thở dài ... Cho nên ông thầy thuốc giỏi, không phải bảo bệnh có thể cứu, tật có thể trừ mà bảo biết

¹ Lê Quý Đôn - *Phủ Biên tạp lục* - trích dịch bởi Phan Khoang - *Việt sử xứ Đàng Trong* - Khai Trí - Sài gòn - 1971, trang 506 - 508.

được (mạng) sống hay chết, có thể cùng chữa hay không thể cùng chữa mà thôi ...¹”.

Thế nhưng lòng lo lắng của ông không được đáp ứng; sáng kiến ông đưa ra, Duệ Tông Nguyễn Phúc Thuần không đủ khả năng nhìn thấy chân giá trị để áp dụng nên tệ hại vẫn tiếp tục. Cuối cùng nhà Tây Sơn nổi lên đáp ứng nguyện vọng của mọi người.

Ngô Thế Lân đã thất bại trong kỳ vọng sửa đổi cứu thế của ông.

Ngô Thế Lân, nhà thơ siêu thoát Thiên tông.

Tính chất hiện thực xã hội và siêu thoát Thiên tông, thoát nhìn dường như mâu thuẫn khi hiện diện trong cùng tư tưởng một nhà văn. Nhưng thật ra hai khuynh hướng này có thể không xung khắc nhau nếu lần lượt xuất hiện ở hai giai đoạn khác biệt. Ngô Thế Lân ở vào trường hợp đó. Trong những năm đầu của cuộc đời, chứng kiến thực trạng xã hội ông đau lòng nên tìm phương sách sửa đổi, nhưng người có quyền thế, có trách nhiệm đã không giúp ông thực hiện mộng ước. Từ đó ông chán nản vì cảm thấy mình không tròn bổn phận kẻ sĩ. Là người suy tư, hướng nội. Ngô Thế Lân không hành động như anh em nhà Tây Sơn, hoặc như Cao

¹ Tài liệu của “Sơ thảo lịch sử Văn học VN” - Văn Tân ... quyển III, trang 268.

Bá Quát sau này, phản ứng của ông giống như trường hợp Nguyễn Thiếp ở Bắc Hà, cảm thấy mình bất lực nên không muốn nhìn đời, tự tìm cảnh an vui tâm hồn bằng những cách dễ dàng nhất: hưởng nhàn và tri túc. Lúc này giọng điệu của tác giả không còn biểu lộ sự ưu ái đối với quốc gia, xã hội, với ông những phạm trù này như mơ hồ, xa lạ, ông hướng lòng mình vào những thứ khác thế nào cho tâm hồn bình thản, tự toại.

Bài “*Thư hoài*” diễn tả tâm trạng đó (ở những câu luận và kết).

... 舊事如川長逝海
新懷似月欲凌虛 ...
天意若非憐惜我
肯教容易臥茅蘆 ...

Phiên âm:

... *Cựu sự như xuyên trường thế hải.*
Tân hoài tự nguyệt dục lãng hư ...
Thiên ý nhược phi liên tích ngã.
Khảng giao dung dị ngọa mao lư ?
(*Thư hoài*)

Tạm dịch:

...*Cựu sự: sông dài đỏ biển xanh,*
Tân hoài: trăng trải khắp mông mênh...

*Lòng trời nếu chẳng thương thân mọn.
Há để cho ta khểnh lều tranh ?*

Ông muốn quên tất cả chuyện cũ, như nước sông mất hút, hòa đi không còn dấu vết gì khi chảy ra đến biển. Lòng ông lúc này muốn mênh mông, trống không như ánh trăng, có ở đó, mà cũng không ở đó.

Ông cảm ơn trời đất đã thương tạo cho mình cảnh an nhàn ở liều tranh với thú thưởng gió ngắm trăng, thanh thoi thân thể cũng như tâm hồn.

Với tâm trạng chối bỏ cuộc đời, từ chối những vương bận với trần thế, Ngô Thế Lân nhìn mọi vật dưới khía cạnh tĩnh, hòa hợp, thoải mái. Ông mô tả làng mình như một cảnh thanh bình đẹp đẽ đầy đủ, trong đó ông hoàn toàn tự do muốn đi hay ở tùy thích: bài “*Vu Lai ố*”.

蕪萊塢

錯落人家綠柳間

緣溪分塢各回還

東南一帶湖連海

西北三分埜接山

深澗蝦肥漁父醉

平原草長牧童閒

白沙翠竹紅塵淨
一任幽人自往還

Phiên âm:

*Thác lạc nhân gia lục liễu gian,
Duyên khe phân ổ các hồi hoàn.
Đông Nam nhất dải hồ liên hải,
Tây Bắc tam phần dã tiếp san.
Thâm giản hà phì ngư phủ tú,
Bình nguyên thảo trường mục đồng nhàn.
Bạch sa thúy trúc hồng trần tĩnh.
Nhất nhiệm u nhân tự vãng hoàn.*

(Vu Lai ổ)

Tạm dịch:

*Rải rác vài nhà giữa liễu xanh,
Bờ khe từng xóm chạy vòng quanh.
Đông Nam một dải hồ liền biển.
Tây Bắc, ba phần núi, đồng tranh.
Khe sâu, tôm béo, say ngư phủ.
Đồng phẳng, cỏ dài, khỏe đũa canh.
Cát trắng trúc xanh không bụi bám,
Mặc người u tịch tự rong hành.*

(Vu Lai ổ)

Ông tự cho cảnh sống của mình là cảnh lý tưởng của người thoát tục: tâm hồn thư thả, gặp khách chuyện trò không biết mệt; mùa xuân thưởng thức chén rượu trong cảnh nhàn hạ.

Ông thỏa mãn với nếp sống bình dị đó, ông cho rằng không có ai được như mình, biết tìm nguồn vui cho tâm hồn, nguồn vui tự tạo dựng được bằng cách đi ở ẩn, xa chốn thị thành–bạn cùng hươu nai.

Tuy nhiên, đặc biệt của Ngô Thế Lân không hẳn ở những điểm này. Người biết hưởng thanh nhàn, tìm sự yên tĩnh cho tâm hồn thời nào cũng có, điểm độc đáo của ông ở chỗ đã thấy được kết quả của việc phóng bỏ những phiền tạp của cuộc thế. Phóng bỏ khiến cho người thấy được chân tánh của mình và hành động phù hợp với chân tánh - cũng như khói bay thẳng lên nhờ im gió - Mặt khác chân tánh này cũng nuôi dưỡng trong toàn cảnh thích hợp: nhàn tản không phiền tạp sẽ được phát triển để hoàn hảo - như hoa ở núi nhờ hưởng được sương nên càng tươi đẹp. Ông diễn tả hệ thống tư tưởng thâm viển đó trong bài thơ “*Xuân nhật ngẫu thành*”:

春日偶成
浮名放下見吾真
水竹生涯幸不貧
野燎無風煙自直
山花有露色偏新
高談對客饒三寸

佳釀逢春好十分
料得無人同此樂
不妨麋鹿結為鄰

Phiên âm :

*Phù danh phóng hạ kiến ngô chân,
Thủy trúc sanh nhai hạnh bất bản.
Dã liệu vô phong yên tự trực,
Sơn hoa hữu lộ sắc thiên tân.
Cao đàm đối khách nhiều tam thốn,
Gia nhượng phùng xuân hảo thập phân.
Liệu đắc vô nhân đồng thử lạc,
Bất phương mị lộc kết vi lân.
(Xuân nhật ngẫu thành)*

Tạm dịch:

*Rũ bỏ phù danh thấy được chân
Sống cùng trúc, nước may chẳng bản.
Đuốc đồng, khói thẳng nhờ im gió.
Hoa núi đượm sương thấm bội phần.
Đối khách truyện tràn ba tác lười.
Gặp xuân, rượu ngọt thích mười phân.
Hắn không ai được như ta nhỉ.
Thú ấy, hươu nai chẳng ngại gần.*

Trong bài “*Sơn cư tức sự*”, ông mô tả với đầy đủ chi tiết khung cảnh sống nhàn tản từ không gian gần gũi với tiếng ve bóng trúc, không gian thân thiết của khu vườn cũ, cánh cửa gỗ tạp đến cảnh

tịch mịch u buồn với mây khe đùn đến, mưa ngàn kéo về, trong đó ông không quên vẽ phác hình ảnh một người bất chấp thời gian biến dịch, thong dong, tự tại.

Tuy nhiên ông cũng bộc lộ phần nào một vẻ gì chán nản, chán vì nhìn chung quanh không thấy ai được như mình, toàn bọn tầm thường, chạy theo danh vọng. Nhóm Văn Tân đã có lý phần nào khi cho rằng “*về chủ quan (ông) có ý chống lại hoặc ít, hoặc nhiều với thống trị*”¹ (1):.

Nguyên văn:

蟬聲喧午下
竹影護階苔
老圃秋無事
柴門晝不開
溪雲當坐起
山雨過江來
清世誰高尚
閒眠為不才

Phiên âm:

¹ Văn Tân - Sơ thảo lịch sử Văn học Việt Nam - Quyển III.

*Thiên thanh huyền ngọc hạ,
Trúc ảnh hộ giai đài.
Lão phó thu vô sự
Sài môn trú bất khai.
Khê vân đương tọa khởi,
Sơn vũ quá giang lai.
Thanh thế thùi cao thượng ?
Nhàn miên vị bất tài
(Sơn cư túc sự)*

Tạm dịch:

*Trưa hè rộn tiếng ve,
Bóng trúc thêm rêu che.
Lão phó (¹) thu nhàn rảnh,
Cửa sài ngày vẫn gài.
Mây khe che chỗ ngồi,
Mưa núi qua sông tới
Đòi ai người cao thượng?
Nhàn ngủ vì bất tài.
(Tức cảnh chỗ ở trong núi)*

Trong cảnh ần dật ông vẫn giữ được nét phóng khoáng kiên cường của mình, quyền thế không màng nên thân nhiên không quy lụy, e dè. Không tự cao tự đại nên có thể đùa nghịch với tất cả mọi người. Ta có thể thấy qua bài “*tự thuật*” của ông một người thoát vòng danh lợi coi danh phận

¹ Lão phó: người làm vườn già.

như không đồng thời nhận chân được tính tình bộc
trực đặc biệt của tác giả (trích 4 câu giữa):

自述

...

半生踪跡詩為傳

到處登臨酒作媒

心不彈冠那忌諱

反無按劍任談諧

...

Phiên âm :

*Bán sinh tung tích thi vi phó,
Đáo xứ đặng lâm tửu tác môi.
Tâm bất đàn quan na kỵ huý.
Hữu vô án kiếm, nhiệm khôì hài,*

Tạm dịch:

*Nửa đời đi lại làm thơ,
Đến đâu cũng đến, cũng nhờ rượu đưa,
Lòng này sửa mũ⁽¹⁾ chẳng ưa,
Nên không ngần ngại, chẳng sợ ai.
Tha hồ đùa nghịch khôì hài.*

¹ Sửa mũ: đàn quan, ý nói bỏn chồn về danh vọng xưa Vũ Công nghe sắp được vua phong chức nên hàng ngày sửa mũ để đợi chiếu chỉ.

Bạn không võ kiếm (¹), chẳng ai buồn lòng

Ảnh hưởng triết lý Thiền Tông trong tư tưởng Ngô Thế Lân thể hiện rõ ràng nhất ở bài “*Tạ Trần tiên sinh họa ảnh*”. Với hai mươi chữ của một bài thơ ngũ ngôn tứ tuyệt tác giả vừa khen tặng người vẽ ảnh kỳ tài (không thật khéo thì sau ghi lại những nét đặc trưng, cần gì phải thật hoàn hảo ? vừa đặt vấn đề tri thức về sự huyền diệu, bản thân là một hay có cái ở ngoài bản thân nữa?

Sau khi đặt vấn đề cũng chính ông trả lời luôn: chỉ cần hiểu lẽ huyền diệu ta sẽ không chấp chân thân là hình hài hiện tại, ta sẽ hiểu chân thân là một vài nét căn bản đặc biệt của mọi người có thể khác với hình hài hữu thường hiện tại, nhưng đó là những gì tinh túy, cốt tủy, phần còn lại chỉ là giả ngụy, không thật:

Nguyên văn:

不有妙中妙

¹ Võ kiếm: án kiếm. Thơ Vương Duy có câu:

*“Bạch thủ tương tri do án kiếm
Chu môn tiên đạt tiểu đàn quan”*

Dịch ý:

*“Biết nhau từ thuở tóc xanh,
Đến nay đầu bạc lại đành dọa nhau.
Cửa quan mình trước người sau,
Nữ cười chi kẻ lau chau hoạn đồ”*

安知身外身
但存千古意
何必十分真

*Bất hữu diêu trung diêu,
An tri thân ngoại thân
Đãn tồn thiên cổ ý.
Hà tất thập phần chân?*

Tạm dịch:

*Không có diêu trong diêu,
Sao biết thân ngoại thân?
Chỉ cần ý xưa cũ,
Cần gì mười phần chân?*

(Tạ ông Trần vẽ ảnh)

Con người Ngô Thế Lân được diễn tả đầy đủ qua thơ văn của ông (tiếc rằng toàn thể đều được sáng tác bằng chữ Hán và hầu như thất lạc gần hết) một mặt vẽ lại xã hội đau thương của một hoàn cảnh đất nước đang có cuộc nội chiến, một mặt ghi lại những suy tư của một người thoát tục nhìn đời dưới khía cạnh vô giá trị của mọi sự, chỉ muốn an nhàn hòa hợp theo chân tánh của mình.

Con người ưu ái đối với nỗi thống khổ của người chung quanh là con người chịu ảnh hưởng của nho giáo muốn giúp đời và cũng là tuổi trẻ của

Ngô Thế Lân. Thế nhưng hoài vọng bị thất bại cũng chính con người đó trở về với mình, với thiên nhiên. Đây là giai đoạn hai, thời tuổi già của Ngô Thế Lân.

Hai nhịp tư tưởng khác biệt trên chỉ là hai mặt thể hiện của *một con người* theo từng hoàn cảnh loạn lạc còn có cơ sửa đổi hay đã đến mực tàn khốc không thể sửa chữa gì được.

Chính Ngô Thế Lân trong bài tựa *Phong trúc tập* đã nói về thơ của mình một cách bóng bẩy ẩn dụ như sau: “*Gió là vật không khí, trúc là vật có chất mà không có ruột, cho nên trúc nhờ gió mà thành tiếng, gió nhờ trúc thành hình. Vì thế gió đến thì trúc reo, gió đi thì trúc lặng, gió to thì trúc reo to, gió nhỏ thì trúc reo nhỏ, tiếng reo ấy là ở gió không phải ở trúc, trúc bao giờ cũng vẫn thế thôi. Còn như khi cao như tiếng hạc kêu, vang như tiếng rông gầm, nhanh như lớp sóng cồn, khoan như tiếng ngọc đeo, cùng là tiếng u nhã có thể sửa được tục, tiếng thanh cao có thể sửa được phiền, càng gặp gió lạ thì càng reo mà không bao giờ hết, đó là bởi chỗ rỗng trong ruột, rỗng cho nên khéo hưởng ứng với gió. Tuy nhiên cơ trời tung phát âm vận du dương là do ở người nghe được, mà tiếng nghe*

ra nhã hay tục, thuần hay tạp thì trúc có dự gì đâu ?¹”

Ông tự ví mình với trúc và hoàn cảnh xã hội như gió, tiếng thơ phát ra những vẻ khác nhau do ở gió chứ tâm hồn ông không có gì khác biệt trước sau. Dụng ý so sánh của Ngô Thế Lân thật cao và sự thay đổi thơ của ông cũng rất nhân bản. Có thể nói hầu hết những người sống trong hoàn cảnh xã hội nhiễu nhương có chút ưu tư và thất bại trong việc sửa đổi hoàn cảnh hầu hết đều có tư tưởng như ông. Về văn chương, tuy không có may mắn thưởng thức được toàn bộ thi phẩm của ông, nhưng qua một số bài còn lại ta cũng thấy được tài năng của tác giả: thơ giản dị, ít lời, nhiều ý, cao xa, hình ảnh độc đáo, tình ý cương trực, Phan Huy Chú (LTHCLC Văn tịch chí) và Lê Quý Đôn (*Phủ biên tạp lục*) đều khen: “*trong tập thơ này (Phong trúc tập) thơ đều êm ái, tao nhã có tình tứ*” quả rất đúng.

¹ Bản dịch của viện sử học trong “Lịch triều hiến chương loại chí” (văn tịch chí).

Phụ lục

Thơ Ngô Thế Lân

1. Nguyên Văn:

沙浦晚行

晴江樹色晚蒼蒼

獨步沙汀望渺茫

避客眠鷗藏亂荻

侯魚饑鷺立寒塘

秋風未准湖心靜

落日空教旅思慌

范蠡扁舟何處是

往來惟見釣翁舫

Phiên Âm:

Tình giang, thụ sắc vãn thương thương.

Độc lộ sa đình vọng diều mang.

Tị khách miên âu tàng loạn địch.

Hậu ngư cơ lộ lập hàn đường.

Thu phong vị chuẩn hồ tâm tĩnh,

Lạc nhật không giao lữ thứ mang.

Phạm Lãi biên chu hà xứ thị?

Vãng lai duy kiến diều ông phường.

(Sa phổ vãng hành)

Dịch Thơ:

Chiều, cây xanh ngắt nước sông trong,
Lũn thui mình ta buông mắt trông.
Lánh khách, chim âu chui bụi sậy,
Chực mồi cò đói đậu bờ sông.
Gió đưa hồ nước khôn yên mặt,
Ô lặn, người xa những bận lòng.
Phạm lãi thuyền con đâu đó tá?
Đi về chỉ thấy chiếc thuyền ông ...
(Chiều qua bến cát)

Lê Xuân Giáo dịch.

2. Nguyên Văn:

詠馮驩

填門食客漫紛紛
市義看來有幾人
雖有嘉猷懷小薛
更無善策制強秦
劍歌疊唱殊堪厭
兔窟三成自可親
相國苦無收印日
誰知彈鋏是佳賓

Phiên Âm:

*Điền môn thực khách mẫn phân phân.
Thị nghĩa khan lai hữu kỷ nhân?
Tuy hữu gia du hoài tiểu Tiết.
Cánh vô thiện sách chế cường Tần.
Kiếm ca điệp xướng thù kham yếm.
Thỏ quật tam thành tự khả thân.
Tướng quốc nhược vô thu ấn nhật.
Thùy tri đàn kiếp¹ thị giai tân.
(Vịnh Phùng Hoan)*

Dịch Thơ:

*Nhà đầy thực khách Mạnh Thường Quân,
Mấy kẻ như ông có nghĩa ân.
Tuy có mưu hay thương Tiểu Tiết.
Nhưng không chước giỏi chống Cường Tần,
Gươm đàn mấy bận vang dòn tiếng
Hang thỏ ba thành giữ một thân.
Tướng quốc như không thu ấn tín.
Nào ai biết đến kẻ giai tân.
(Lê Xuân Giáo dịch)*

3. Nguyên Văn:

詠卓文君

風流前債思難灰

¹ Kiệp: cái kìm, cũng là tên một thứ nhạc cụ (đàn kìm), đúng ra thì Phùng Hoan vỗ gươm hát (“kiếm ca” ở câu trên).

無那聲琴半夜催
紅葉不勞題葉去
白柯解作伐柯來
阿翁不憤難容物
兒女堪憐亦愛才
詞客早知情太薄
白頭甘分老粧臺

Phiên Âm:

*Phong lưu tiền trái tứ nan hôi.
Vô ná thanh cầm bán dạ thôi.
Hồng diệp bất lao đề diệp khứ,
Bạch kha giải tác phạt kha lai.
A - ông bất phần nan dung vật
Nhi nữ kham lân diệp ái tài.
Tứ khách tảo tri tình thái bạc.
Bạch đầu cam phận lão trang đài.
(Vịnh Trác Văn Quân)*

Dịch Thơ:

*Nợ cũ phong lưu thực khó phai,
Tiếng cầm giục già đến phòng trai.
Lá hồng chẳng cậy ai xe quán,
Búa bạc thà cam tự mỗi mai.
Đừng giận A - ông từng khó tánh,
Nên thương nhi nữ cũng yêu tài.*

*Văn nhân sớm biết tình đen bạc,
Đành chịu già nua suốt một đời.
(Lê Xuân Giáo dịch)*

4. Nguyên Văn:

偶作

地僻人間夜似年
中秋月色好誰憐
陶潛酒後惟耽睡
孤負嫦娥一夕圓

Phiên Âm:

*Địa tịch nhân gian dạ tự niên.
Trung thu nguyệt sắc hảo thùy liên?
Đào - Tiềm tửu hậu duy đam thụy,
Cô phụ Thường Nga nhứt tịch viên.
(Ngẫu tác)*

Dịch Thơ:

*Cõi trần đất hẹp, ngán đêm dài,
Vàng vặc vừng trăng đẹp mến ai?
Cạn chén, Đào Tiềm say giấc ngủ,
Phụ lòng chị nguyệt suốt đêm soi.
Ngẫu tác đêm Trung Thu.
(Lê Xuân Giáo dịch)*

5. Nguyên Văn:

寄高留守

河邊一自唱驪歌
愁對東籬兩度花
故國風塵今更異
殊鄉烟月近如何
寄來狂藥狂還甚
酬去靈丹靈得麼
盛世相逢應有日
班超端不老龍沙

Phiên Âm:

*Hà biên nhất tự xướng ly ca,
Sầu đối đông ly lưỡng độ hoa.
Cố quốc phong trần kim cánh dị
Thù hương yêu nguyệt cận như hà.
Ký lai công dược cường hoàn thậm,
Thù khứ linh đơn linh đắc ma.
Thạnh thế tương phùng ưng hữu nhật,
Ban Siêu đoan bất lão Long sa.
(Ký Cao lưu thủ)*

Dịch Thơ:

*Bên sông từ độ bác chia tay,
Hai độ hoa vườn đã đổi thay,*

*Gió bụi nước xưa từng khác trước.
Khói trắng đất khách biết sao đây?
Gởi cho thuốc chữa, điên càng dữ,
Lại tặng đơn linh, chữa thấy hay.
Thịnh thế những mong ngày gặp gỡ,
Ban Siêu không lẽ thú luôn đời.*

*Gởi quan lưu thủ họ Cao
(Lê Xuân Giáo dịch)*

6. Nguyên văn:

曉起
星移宮漏促
殘夏破天荒
宿鳥寒啼月
疏鐘冷咽霜
念頭分舜跖
天際判陰陽
莫怪羣生急
紅輪亦太慌

Phiên Âm:

*Tinh di cung lậu xúc,
Tàn hạ phá thiên hoang
Trú điều hàn đề nguyệt
Sơ chung lãnh yết sương.*

*Niệm đầu phân Thuấn, Chích.
Thiên tế phán âm dương.
Mạc quái quân sanh cấp.
Hồng luân diệc thái mang.
(Hiếu khởi)*

Dịch Thơ:

*Sao dòi, nước giọt thật mau.
Tiết trời cuối hạ, phá bầu thiên hoang.
Chim nằm rét hót trắng tàn.
Tiếng chuông thừa thớt, khí hàn nuốt sương.
Thuấn, Chích chia hẳn hai đường.
Cõi trời phân biệt rõ ràng âm dương
Muôn loài tỉnh dậy vội vàng.
Mặt trời đường cũng phân mang nữa là
Dậy sớm
(Lê Xuân Giáo dịch)*

7. Nguyên Văn:

野坐
野坐惟無事
涼風蘊太清
遠村來竹色
高樹落禪聲
名豈慌中得
詩多靜處生

夕陽行客歇
古道獨含情

Phiên Âm:

*Dã tọa duy vô sự
Lương phong uẩn thái thanh.
Viễn thôn lai trúc sắc.
Cao thụ lạc thiền thanh.
Danh khởi mang trung đắc.
Thi đa tĩnh xứ sinh.
Tịch dương hành khách hiết,
Cổ đạo độc hàm tình.*

Dịch Thơ:

*Ngoài đồng vô sự ta ngồi
Gió hiu hiu thổi thổi đời thanh cao.
Thôn xa, sắc trúc xinh sao!
Ve kia khen khéo cây cao kêu sâu.
Rộn ràng dễ có danh đâu,
Trong khi bình tĩnh thơ mau thành bài.
Bóng chiều, hành khách nghỉ ngơi.
Vui cùng đạo cổ thanh thoi tâm tình.*

8. Nguyên Văn:

蕪萊秋夜
永夜沙林裡
無人自點頭

月窺僧舍靜
虫語客窗秋
獨坐心無極
高歌韻轉幽
故人千里外
何日更同舟

Phiên Âm:

*Vĩnh dạ sa lâm lý,
Vô nhân tị điểm đầu.
Nguyệt khuy tǎng xá tĩnh,
Trùng ngữ khách song thu.
Độc tọa tâm vô cực,
Cao ca vận chuyển u.
Cổ nhân thiên lý ngoại.
Hà nhật cánh đồng chu.
(Vu Lai thu dạ)*

Dịch thơ:

*Đêm dài rừng cát vẫn vơ,
Một mình, mình lại thân thơ gật đầu.
Phòng sư soi bóng trắng thu,
Bên ngoài cửa sổ rầu rầu để kêu.
Ngồi trơ, lòng nghĩ đôi điều.
Hát lên âm vận có chiều thanh u.
Cổ nhân ngàn dặm tịch mù.*

*Bao giờ lại được đêm thu đồng thuyền?
(Đêm thu tại Vu Lai)
(Lê Xuân Giáo dịch)*